

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2017

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2013/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2013 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1974

(đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Địa chỉ hiện nay: Cheng Gong 1STST 13 Seng- 16 Hao Đài Loan;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Giáp Thị V - luật sư văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang;
(có mặt)

- Bị đơn: Anh Triệu Viết D, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 08/7/2013, bản tự khai ngày 16/7/2013 và các biên bản lấy lời khai tiếp theo thì nguyên đơn là chị Dương Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Triệu Viết D năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D thường hay đánh và chửi chị. Tháng 9 năm 2012, chị cùng với 02 con chung về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn tình cảm, không có trách nhiệm với nhau nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: chị và anh D có 02 con chung là Triệu Thị Lệ T sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996 đã thành niên và Triệu Thị Y sinh ngày 11/9/2001. Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Nếu cháu Y có nguyện vọng được ở với anh D thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác:

Trong nội dung khởi kiện ban đầu chị có yêu cầu phân chia tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác nhưng sau đó chị đã tự nguyện rút yêu cầu, không đề nghị xem xét phân chia tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác. Khi nào có yêu cầu chị sẽ khởi kiện đề nghị xem xét giải quyết sau.

Tại phiên tòa: chị T vắng mặt;

Tại các bản tự khai ngày 18/7/2013 và các biên bản lấy lời khai tiếp theo thì bị đơn là anh Triệu Viết D trình bày:

Anh kết hôn với chị Dương Thị T năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn bình thường, hạnh phúc. Kể từ tháng 02 năm 2013, vợ chồng anh sống ly thân với nhau nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T;

Về con chung: con chung thứ nhất là Triệu Thị T đã thành niên nên anh không đề nghị xem xét giải quyết. Con chung thứ hai là Triệu Thị Y hiện đang ở với anh nên anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: anh đồng ý với việc chị T rút yêu cầu chia tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác. Nếu sau này có yêu cầu anh sẽ đề nghị xem xét giải quyết sau.

Tại phiên tòa: anh D giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Triệu Thị Y, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Dương Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị T được ly hôn với anh D và giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Triệu Thị Y.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị T ly hôn với anh D và giao cho anh D nuôi dưỡng con chung là Triệu Thị Y, sinh ngày 11/9/2001. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D và buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 16 tháng 7 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung của chị Dương Thị T với bị đơn là anh Triệu Viết D là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt chị Dương Thị T:

Chị Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do chị Dương Thị K là chị của chị T và do luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T nộp tại Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T là phù với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị T và anh Triệu Viết D kết hôn năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2011 ngày 08 tháng 9 năm 1995 tại Ủy ban nhân dân xã A nên hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Kể từ tháng 2/2013, vợ chồng sống ly thân đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc đối với nhau nên chị T xin ly hôn được anh D đồng ý. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T để xử cho chị T được ly hôn với anh D là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: vợ chồng chị T anh D có 02 con chung là Triệu Thị Lệ T sinh ngày 07 tháng 8 năm 1996 đã thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết. Con chung thứ hai là Triệu Thị Y sinh ngày 11/9/2001 đang ở với anh D. Tuy chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung nhưng cháu Y hiện đang do anh D nuôi dưỡng và cũng có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con chung. Anh D và gia đình không được cản trở chị T thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Do anh D tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con với anh D là theo đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự;

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: do chị T, anh D đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết;

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị về nội dung phải giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Dương Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị T được ly hôn với anh Triệu Viết D.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là Triệu Thị Y, sinh ngày 11/9/2001 cho anh Triệu Viết D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh D.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Dương Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/00072 ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Hoàn trả chi T 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã An Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Lý